

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ



TÀI LIỆU

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
PHIÊN HỌP THƯỜNG NIÊN NĂM 2017**

Bà Rịa – Vũng Tàu, tháng 4 năm 2017

MỤC LỤC

	Trang
CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ	1
QUY CHẾ ĐẠI HỘI	2
Phần 1: BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT - KINH DOANH NĂM 2016 VÀ CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017	5
Phần 2: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11
Phần 3: BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT	17
Phần 4: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2016	21
Phần 5: TỜ TRÌNH PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 2016 VÀ KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI 2017	42
Phần 6: TỜ TRÌNH THÙ LAO, CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH 2017	44

**CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ
Ngày 14 tháng 4 năm 2017**

Thời gian	Nội dung chương trình
8h00 – 8h30	- Cổ đông đăng ký tham dự và nhận tài liệu.
8h30-8h45	- Khai mạc đại hội, Giới thiệu khách mời - Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông - Giới thiệu chủ tịch đoàn, Ban thư ký - Bầu ban kiểm phiếu - Thông qua quy chế làm việc của Đại hội - Thông qua chương trình Đại hội
8:45 – 9:15	- Báo cáo của Giám đốc, - Báo cáo của Hội đồng quản trị, - Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát
9:15 – 9:30	- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016. - Phân phối lợi nhuận. - Báo cáo thù lao và lợi ích của HĐQT và BKS
9h30-10h00	- Hướng dẫn biểu quyết - Cổ đông tiến hành biểu quyết - Thu phiếu biểu quyết
9:40 – 10:00	- Cổ đông giải lao, Ban kiểm phiếu làm việc
10:00 – 10:15	- Đại hội thảo luận
10:15 – 10:30	- Phát biểu của đại biểu khách mời
10:30 – 10:45	- Báo cáo kết quả kiểm phiếu
10:45 – 11:00	- Thông qua Nghị quyết đại hội. - Bế mạc Đại hội

QUY CHẾ ĐẠI HỘI

Nội quy cuộc họp, thể lệ biểu quyết, kiểm phiếu này được áp dụng tại phiên họp thường niên 2017 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ.

I. MỤC ĐÍCH

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội cổ đông.

II. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

- Tất cả các cổ đông đến tham dự đại hội ăn mặc chỉnh tề, xuất trình giấy tờ tùy thân, giấy mời họp và giấy tờ khác liên quan đến việc xác minh tư cách cổ đông dự họp tại bàn tiếp đón.
- Không hút thuốc lá trong phòng đại hội.
- Không nói chuyện riêng, không nói chuyện điện thoại di động trong lúc diễn ra đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông.

III. TRÌNH TỰ DIỄN BIẾN CUỘC HỌP

Ngay sau khi Ban kiểm tra tư cách cổ đông thông báo kết quả kiểm tra và xác định số lượng cổ đông có mặt thỏa mãn điều kiện để tổ chức cuộc họp, thủ tục khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) được tiến hành.

- Giới thiệu nội quy, thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký.
- Thông qua Chương trình nghị sự, bầu Ban kiểm phiếu: ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ tay.
- Báo cáo trước Đại hội những nội dung của phiên họp.
- Thảo luận về nội dung phiên họp và giải đáp thắc mắc. Phiên thảo luận sẽ được tiến hành sau khi báo cáo, nội dung của Đại hội được trình bày.

(Lưu ý: Cổ đông có ý kiến phát biểu tại cuộc họp phải được sự đồng ý của Chủ tịch đoàn. Khi Cổ đông phát biểu phải ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua).

IV. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc:

Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông bằng Phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu. Mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy

quyền khi vào dự họp được cấp Phiếu biểu quyết có đóng dấu của Công ty (dấu treo) trên phiếu, trong đó ghi các thông tin theo quy định, các nội dung đề nghị biểu quyết.

2. Cách thức biểu quyết:

Cổ đông biểu quyết (đồng ý, không đồng ý hoặc ý kiến khác) từng vấn đề bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng trong Phiếu biểu quyết, sau đó chuyển lại Phiếu biểu quyết cho Ban tổ chức.

3. Thời điểm biểu quyết:

Ngay sau khi kết thúc phần thảo luận, các cổ đông chuyển Phiếu biểu quyết cho Ban tổ chức. Trong quá trình họp, các cổ đông có thể biểu quyết trước các nội dung và chuyển Phiếu biểu quyết cho Ban tổ chức.

4. Kiểm phiếu:

Ban kiểm phiếu gồm các thành viên do Đoàn Chủ tịch đề xuất và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban kiểm phiếu tiến hành công việc thu phiếu, kiểm phiếu với sự trợ giúp của tổ giúp việc.

Trong trường hợp cần thiết, Đoàn Chủ tịch sẽ mời đại diện quý vị cổ đông dự họp để tham gia giám sát quá trình thu phiếu và kiểm phiếu biểu quyết với Ban kiểm phiếu.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH ĐOÀN

- Điều khiển đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tịch đoàn làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
- Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
- Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình Đại hội.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA THƯ KÝ

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến cuộc họp ĐHĐCĐ và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại cuộc họp.
- Tập hợp văn bản ý kiến của cổ đông trình Đoàn chủ tịch.
- Soạn thảo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại cuộc họp.

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU

- Hướng dẫn biểu quyết
- Phát và thu phiếu biểu quyết, tiến hành kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu về các vấn đề thông qua tại đại hội.
- Nhanh chóng thông báo cho Ban Thư ký kết quả biểu quyết.

- Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ bầu cử hoặc đơn từ khiếu nại về bầu cử.

Trên đây là toàn bộ quy chế làm việc của Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 Công ty Cổ phần bao bì Đạm Phú Mỹ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
Phạm Văn Hiến

Phần 1

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2016 VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2016

1. Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2016

1.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2016:

STT	Chỉ tiêu	Đvt	KH 2016	TH 2016	% TH/KH
I	Sản lượng sản xuất				
	Sản phẩm truyền thống	Tr. Bao	50,000	50,626	101%
1	Bao Ure Phú Mỹ/ bao XK	“	16,400	16,330	100%
2	Bao phân bón của TCty	“	3,000	4,134	138%
3	Bao PBNS quy đổi	“	21,800	17,584	81%
-	Bao PBNS trong nước		7,490	6,591	88%
-	Bao PBNS xuất khẩu		8,510	5,225	61%
-	Túi xách siêu thị		5,800	5,768	99%
4	Bao xi măng thành phẩm	“	4,200	1,416	34%
5	Bao xi măng khác	“	4,600	11,162	243%
	Bao Jumbo	Ng. bao	175,000	194,986	111%
II	Sản lượng tiêu thụ				
	Sản phẩm truyền thống	Tr. Bao	50,000	50,877	102%
1	Bao Ure Phú Mỹ/ bao XK	“	16,400	16,483	101%
2	Bao phân bón của TCty	“	3,000	4,069	136%
3	Bao PBNS quy đổi	“	21,800	17,868	82%
-	Bao PBNS trong nước		7,490	7,314	98%
-	Bao PBNS xuất khẩu		8,510	4,876	57%
-	Túi xách siêu thị		5,800	5,678	98%
4	Bao xi măng thành phẩm	“	4,200	1,516	36%
5	Bao xi măng khác	“	4,600	10,940	238%
	Bao Jumbo	Ng. bao	175,000	183,125	105%
III	Chỉ tiêu tài chính				
1	Tổng doanh thu	Tỷ.đ	262,693	286,766	109%
2	Tổng chi phí	Tỷ.đ	249,713	273,742	110%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	12,980	13,023	100%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ.đ	10,340	10,316	100%
5	Tỷ suất LNST/VĐL	%	24,6	24,6	100%
6	Tỷ suất LNST/VCSH	%	16,4	15,6	95%

STT	Chỉ tiêu	Đvt	KH 2016	TH 2016	% TH/KH
7	Tỷ lệ chia cổ tức	%	17	17	100%
8	Thuế và các khoản phải nộp NSNN	Tỷ.đ	17,19	14,42	84%
IV	Lao động và thu nhập				
-	Lao động bình quân	Người	500	468	94%
-	Quỹ lương	Tỷ đồng	43,50	40,70	94%
-	Thu nhập bình quân (người/tháng)	Tr. đồng	7,5	7,25	97%
V	Đầu tư và Mua sắm	Tỷ đồng	51,05	19,0	37%

1.2. Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2016.

- + *Biến động giá NVL*: Giá nguyên vật liệu đầu vào biến động liên tục, không ổn định dẫn đến khó khăn trong công tác dự báo giá nguyên vật liệu, chào giá khách hàng.
- + *Một trong những dòng sản phẩm chính là bao bì xi măng giảm mạnh* gần như dừng tiêu thụ kể từ tháng 4. Tổng sản lượng xi măng cả năm cung cấp được 1,5 triệu bao.
- + *Đối thủ cạnh tranh phát triển nhanh và mạnh* để đón xu hướng dịch chuyển hàng gia công vào Việt Nam do chi phí nhân công rẻ, chủ yếu là sự lớn mạnh của các doanh nghiệp tư nhân do các quyết định đầu tư nhanh và linh hoạt trong cơ chế bán hàng. Do vậy đối với sản phẩm mới là dòng bao Jumbo và túi siêu thị Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc tìm và giữ khách hàng với mức giá cạnh tranh.
- + *Tổ chức sản xuất sản phẩm mới gặp nhiều khó khăn*: Dòng sản phẩm mới bao Jumbo và túi xách siêu thị được bắt đầu triển khai từ năm 2015, nhưng việc tổ chức sản xuất hoàn thiện các công đoạn sản phẩm mới thực sự từ năm 2016. Hoạt động sản xuất gặp khó khăn bước đầu do thiếu thốn về cơ sở vật chất, thiết bị, cán bộ kỹ thuật, công nhân tay nghề cao, tổ chức lao động, đáp ứng tiến độ, sản xuất đúng ngay từ đầu...Do đó, có những đơn hàng chưa tính đúng, tính đủ chi phí giá thành sản xuất hoặc có những đơn hàng chấp nhận giá bán lỗ hoặc chỉ hòa vốn để có thị trường hoặc có cơ hội đào tạo công nhân, điều chỉnh tăng năng suất cho các đơn hàng sau. Đến thời điểm hiện tại, khâu tổ chức sản xuất tương đối ổn định, công nghệ sản xuất và tay nghề của công

nhân đã thành thạo hơn nên các đơn hàng nhận được đã bắt đầu có lãi, năng suất may đã tương đương so với đơn vị gia công.

- + *Lạc hậu về công nghệ và thiết bị:* Một số máy móc đầu tư từ khi nhà máy bắt đầu hoạt động đã thể hiện nhiều hư hỏng khó sửa chữa, cải tạo dẫn đến năng suất giảm, đồng thời có 1 khoảng cách tụt hậu lớn về thiết bị và công nghệ so với mặt bằng hiện tại. Điển hình như máy tráng cũ, hay hỏng hóc và không thích hợp với sản phẩm mới hoặc những máy dẹt nhỏ tuy vẫn hoạt động nhưng năng suất thấp hơn và tiêu hao nhiều nhiên liệu hơn so với máy mới.
- + *Biến động nhân lực lớn:* Khó thu hút và giữ được nguồn nhân lực chuyên môn giỏi, tay nghề cao. Tình trạng biến động lao động vẫn xảy ra thường xuyên.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

1. Nhận định chung

1.1. Thuận lợi:

- Công ty đã bước vào được thị trường sản phẩm mới và có được lượng khách hàng nhất định.
- Công ty đã có kinh nghiệm trong việc tổ chức sản phẩm mới sau một năm trải nghiệm.
- Đã đầu tư được thiết bị và hạ tầng đồng bộ phù hợp dòng sản phẩm mới.

1.2. Khó khăn:

- Tồn tại về lao động vẫn còn: thiếu cán bộ kỹ thuật, công nhân có tay nghề.
- Chi phí cao: khấu hao đầu tư, thuế nhập khẩu hạt nhựa tăng, lương tăng, nhiên liệu tăng...
- Các khách hàng của Công ty chưa có sự hợp tác liên tục, sản phẩm nhiều quy cách trong một đơn hàng dẫn đến năng suất lao động thấp, chưa đảm bảo được thu nhập của Công nhân.
- Ngoài cạnh tranh với doanh nghiệp nước ngoài, sự cạnh tranh khốc liệt với các doanh nghiệp Việt Nam cũng đáng kể, đặc biệt là giá cả chưa thật sự đáp ứng được việc cạnh tranh.
- Máy móc thiết bị ngày càng cũ dẫn đến thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng và thay thế nên năng suất và chất lượng sản phẩm không cao.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ kế hoạch:

- Sản xuất và tiêu thụ đạt 58 triệu bao bì nhỏ và 0.36 triệu bao bì jumbo
- Tập trung khai thác thị trường Nhật và Châu Âu đối với dòng sản phẩm mới là Bao bì Jumbo.
- Tổ chức sản xuất, vận hành có hiệu quả Dự án bao bì Jumbo giai đoạn 3.

- Đảm bảo quyền lợi người lao động và lợi ích Cổ đông.

3. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2017

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	TH 2016	KH 2017	% KH 2017/TH 2016	Ghi chú
1	Sản lượng sản xuất					
-	Dòng bao truyền thống	Tr.bao	51	58	115%	
-	Dòng bao Jumbo	Ng.bao	195	356	183%	
2	Sản lượng tiêu thụ					
-	Dòng bao truyền thống	Tr. bao	51	58	114%	
-	Dòng bao Jumbo	Ng.bao	183	356	194%	
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	287	400	139%	
4	Tổng chi phí	Tỷ đồng	274	386	141%	
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	13,0	13,8	106%	
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	10,3	10,9	106%	
7	Tỷ lệ chia cổ tức	%	17%	17%	100%	
8	Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách NN	Tỷ đồng	14,42	13,8	96%	
9	Lao động và thu nhập					
-	Lao động BQ	Người	468	542	116%	
-	Quỹ lương	Tỷ đồng	40,7	47,4	116%	
10	Đầu tư XDCB và Mua sắm	Tỷ đồng	19,0	53,93	284%	

4. Các giải pháp thực hiện

4.1. Công tác kinh doanh:

- Dự báo giá nguyên vật liệu chính xác và kịp thời.
- Công tác lập và thực hiện bám sát mục tiêu kế hoạch.
- Đào tạo đội ngũ bán hàng xuất khẩu chuyên nghiệp, có trình độ chuyên môn và ngoại ngữ tốt.
- Tăng cường mở rộng khách hàng mới, giữ khách hàng cũ.
- Tập trung thị trường trọng điểm là Nhật và Châu Âu.

4.2. Công tác kỹ thuật công nghệ và sản xuất:

- Khai thác có hiệu quả hệ thống thiết bị dây chuyền bao Jumbo mới đưa vào khai thác.
- Nắm vững kỹ thuật công nghệ sản xuất sản phẩm mới. Cải tiến công nghệ sản xuất sản phẩm truyền thống.
- Kiểm soát chất lượng, hạn chế sản phẩm hỏng/lỗi/phế.
- Sửa chữa bảo dưỡng máy móc thiết bị để vận hành ổn định, hiệu suất cao, tăng tuổi thọ của máy móc thiết bị, đảm bảo chất lượng hoạt động, hạn chế mức thấp nhất sự gián đoạn trong quá trình sản xuất làm giảm năng suất và giảm chất lượng sản phẩm.
- Thay thế máy móc thiết bị cũ để đáp ứng về điều kiện sản xuất mới về quy cách, mẫu mã và năng suất.
- Tiếp tục nghiên cứu các giải pháp công nghệ sản xuất tối ưu giảm giá thành, gia tăng giá trị sản phẩm đáp ứng nhu cầu phát triển thị trường trong và ngoài nước.

4.3. Công tác quản lý vốn và chi phí :

- Kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, tăng cường phòng ngừa rủi ro về tài chính.
- Tăng cường kiểm soát nội bộ, kiểm soát chi phí trong quá trình sản xuất để đánh giá hiệu quả kịp thời.
- Tăng cường công tác đánh giá, phân tích hiệu quả tài chính của các phương án kinh doanh.
- Cơ cấu lại nguồn vốn phù hợp với tình hình SXKD của Công ty nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh được liên tục.

4.4. Công tác tổ chức – hành chính:

- Đổi mới công tác tuyển dụng, cho người đến các địa phương (trọng điểm là các Tỉnh Miền Tây) để đưa lao động đến tận nơi sản xuất, đồng thời có chính sách hỗ trợ chỗ ăn ở, đi lại cho người lao động. Song song công tác tuyển dụng, Công ty tăng cường mở rộng mạng lưới gia công may hoặc ký kết hợp tác kinh doanh với các đối tác để giảm bớt khó khăn về lao động.
- Tiếp tục rà soát chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các phòng, hoàn thiện bảng mô tả chức danh công việc để tiêu chuẩn hóa các yêu cầu chuyên môn, kỹ năng đối với từng vị trí chức danh công việc, đảm bảo tối ưu hóa nguồn nhân lực hiện có.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo có trọng điểm, tăng cường tổ chức đào tạo, tái đào tạo nội bộ, trao đổi kinh nghiệm, tích cực đào tạo ngoại ngữ cho các chức danh cần thiết, chuẩn bị nhân sự cho các bộ phận còn thiếu.
- Đổi mới mạnh mẽ cơ chế lương, thưởng theo năng lực, hiệu quả để đảm bảo công bằng và tạo động lực cho người lao động.

4.5. *Đẩy mạnh công tác đầu tư mới và đầu tư thay thế:*

- Đầu tư mới: Đầu tư tiếp Dự án jumbo giai đoạn mở rộng để khai thác hết công suất thiết bị hiện có.
- Đầu tư thay thế: Hệ thống máy dệt đầu tư từ giai đoạn 1 đến nay đã thể hiện nhiều hư hỏng, lạc hậu năng suất thấp nên Công ty sẽ có kế hoạch thay thế từng cụm trong năm 2017.

GIÁM ĐỐC

Trần Anh Tú

Phần 2

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. VỀ CƠ CẤU VỐN GÓP VÀ NHÂN SỰ THÀNH VIÊN HĐQT

- Năm 2016 cơ cấu vốn góp của các cổ đông lớn không thay đổi: Tổng công ty phân bón và Hoá chất Dầu khí nắm giữ 43,34% VDL, Công ty TNHH Hương Phong nắm giữ 40% VDL và các cổ đông nhỏ khác nắm giữ 16,66% VDL
- Nhân sự thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT): Năm 2016, Hội đồng quản trị có sự thay đổi về nhân sự, Bà Trần Thị Hồng Quyên được bầu thay thế thành viên Phạm Văn Quý kể từ ngày 25/02/2016 và đã được ĐHCĐ phê chuẩn tại kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2016. Hiện tại, HĐQT gồm: Ông Phạm Văn Hiến – Chủ tịch HĐQT, ông Trần Anh Tú – thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty, ông Lê Hồng Quân, bà Hồ Thị Minh Hòa và Bà Trần Thị Hồng Quyên là thành viên HĐQT. Trong đó ông Trần Anh Tú là thành viên điều hành, các thành viên còn lại kiêm nhiệm chức danh.

II. ĐÁNH GIÁ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SXKD 2016 VÀ CƠ HỘI ĐẦU TƯ NĂM 2017

- Hội đồng quản trị đánh giá cao kết quả thực hiện năm 2016 của Ban điều hành trong điều kiện khó khăn khi vừa mở rộng đầu tư vừa triển khai sản xuất sản phẩm mới. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2016	TH năm 2016	Tỷ lệ TH/KH
1	Sản lượng bao truyền thống	Tr.b	50,00	50,88	102%
2	Sản lượng bao Jumbo	Ngh.b	175,000	183,13	105%
3	Doanh thu	Tỷ.đ	262,69	286,77	109%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	12,98	13,02	100%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ.đ	10,34	10,32	100%
6	Nộp NSNN	Tỷ.đ	17,19	14,42	84%
7	Chia cổ tức	%	17%	17%	100%
8	Đầu tư, mua sắm	Tỷ.đ	51,05	19,0	37%
9	Lao động bình quân	Người	500	468	94%
10	Thu nhập bình quân (người/tháng)	Tr. đồng	7,5	7,25	97%

- Đánh giá chung các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 và tác động đến việc xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động năm 2017 như sau:
 - + *Khách hàng bao bì xi măng giảm hẳn:* Trong năm 2016, tại khu vực phía nam, khách hàng Xi măng gần như chuyển hết sang dùng loại bao bì dán đáy làm cho sản lượng, doanh số dòng bao bì truyền thống bị ảnh hưởng đáng kể. Tuy nhiên, việc giảm sản lượng bao Xi măng đã được tiên liệu từ năm trước và Công ty đã chuẩn bị điều kiện để chuyển đổi sản phẩm. Bước đầu thực hiện chuyển đổi sản phẩm thành công nên Công ty đã duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định.
 - + *Tiến độ thực hiện Dự án đầu tư:* Trong hoạt động đầu tư, tốc độ phát triển của Công ty còn chậm nên bỏ lỡ nhiều cơ hội. Việc chậm trễ trong công tác đầu tư là do các yếu tố khách quan tác động, trong đó quá trình nhập khẩu máy móc thiết bị và thủ tục trình xin phê duyệt đầu tư của nội bộ các bên góp vốn góp phần kéo dài thời gian triển khai hơn so với dự kiến. Do vậy, trong các hoạt động đầu tư sắp tới, để đẩy nhanh tiến độ đầu tư, Ban điều hành cần làm sớm các công tác chuẩn bị xin phê duyệt đầu tư từ phía các cổ đông và đảm bảo nhà cung cấp thực hiện việc cung cấp hàng hóa, thiết bị theo tiến độ.
 - + *Kế hoạch tạo liên kết ngành, cơ sở may:* Các dòng sản phẩm mới của Công ty như túi xách siêu thị và bao bì Jumbo liên quan nhiều đến việc sử dụng lao động ngành may, trong khi đó, Công ty đóng trên địa bàn khu công nghiệp nên không tránh khỏi tình trạng biến động lao động lớn. Hơn nữa, tại khu vực này, quy định chi phí lương tối thiểu vùng được xét là vùng 1 – là vùng cao nhất cả nước nên chi phí nhân công ở mức cao. Do vậy công tác tổ chức sản xuất liên quan đến sử dụng nhiều lao động, cụ thể là bộ phận may gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiết giảm chi phí sản xuất để đạt được mức giá cạnh tranh sản phẩm. Do vậy, định hướng tổ chức sản xuất trong những năm tới cần phải tính toán đến việc tạo liên kết vùng, ngành tại các cơ sở có chi phí lao động thấp và hạn chế mức độ cạnh tranh về lao động.
 - *Cơ hội phát triển dòng sản phẩm mới:* Nhu cầu sử dụng bao Jumbo trên thị trường là rất lớn và Công ty xác định đây là một trong những dòng sản phẩm chính sẽ tiếp tục mở rộng. Dây chuyền sản xuất bao bì Jumbo đầu tư giai đoạn 1 trong năm 2016, chính thức được vận hành trong năm 2017 đã đầu tư thiết bị máy tạo sợi với công suất lớn, hơn 1 triệu bao/năm. Như vậy, nhiệm vụ của những năm tới đây sẽ tiếp tục đầu tư đồng bộ dây chuyền thiết bị công đoạn sau tạo sợi và phát triển thị trường để khai thác hết công suất thiết bị này. Đối với dòng sản phẩm bao Jumbo, sau hơn 1 năm triển khai sản xuất và tiếp cận thị trường, Công ty đã tích lũy được kinh nghiệm sản xuất và có được lượng khách hàng nhất định. Đây là tiền đề để khai thác hiệu quả dây chuyền sản xuất bao Jumbo trong năm nay. Mục tiêu đặt ra đến trước năm 2020 sẽ khai thác hết

công suất máy tạo sợi, tương ứng hàng năm đạt mức sản lượng trên 1 triệu bao Jumbo.

- *Nhận định cơ hội đầu tư:* Đánh giá cơ hội đầu tư đang rất lớn do kết nối giao thông thời gian tới rất thuận tiện, xu hướng dịch chuyển mạnh đầu tư vào Việt Nam để khai thác lợi thế chi phí nhân công thấp. Do vậy, nhận định sắp tới có nhiều Dự án đầu tư nước ngoài trên địa bàn Bà Rịa – Vũng Tàu. Riêng với Công ty, hiện đất chưa sử dụng còn, bộ máy tổ chức sẵn có...là những yếu tố rất thuận lợi để nghiên cứu, đề xuất hướng đầu tư mới, đầu tư mở rộng để có thể cung cấp sản phẩm, dịch vụ phục vụ các dự án đầu tư vào địa bàn tỉnh nói riêng và vào Việt nam nói chung.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2016

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Trong năm 2016, HĐQT đã tiến hành tổ chức các phiên họp chính thức và cho ý kiến bằng văn bản để thảo luận và ra quyết định đối với các hoạt động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty thuộc thẩm quyền phê duyệt, xin ý kiến HĐQT. Những nội dung chính được thông qua/chỉ đạo thực hiện như sau:

- Thông qua việc ký kết Hợp đồng với người có liên quan. Trong năm 2016, Công ty thực hiện ký kết hợp đồng với Người có liên quan là các cổ đông lớn là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí các Hợp đồng bán bao và ký Hợp đồng với cổ đông là Công ty TNHH Hương Phong về việc cho thuê lại phần đất trống Công ty chưa có nhu cầu sử dụng.
- Thông qua việc sử dụng nhãn hiệu “Đạm Phú Mỹ”
- Thông qua lựa chọn nhà thầu cung cấp thiết bị cho Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất bao bì Jumbo.
- Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2016 là đơn vị Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
- Thông qua việc điều chỉnh danh mục mua sắm máy móc thiết bị trong kế hoạch đầu tư mua sắm máy móc trang thiết bị không làm tăng tổng chi phí kế hoạch.
- Thông qua đề nghị vay vốn trung hạn tại VCB.
- Thông qua việc điều chỉnh vốn đầu tư Dự án mua sắm máy móc thiết bị sản xuất bao bì Jumbo.
- Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty.

- Tổ chức thành công phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2016; tuân thủ đầy đủ các nội dung yêu cầu công bố thông tin đối với tổ chức niêm yết; chia cổ tức năm 2016 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2016 thông qua.
- Thông qua tỷ lệ hạn mức công nợ phải thu từng Quý.
- Chỉ đạo Ban điều hành thường xuyên báo cáo công tác xây dựng quy hoạch cán bộ nguồn, rà soát, bổ nhiệm, đào tạo đối với cán bộ nguồn thuộc diện quy hoạch. Chỉ đạo việc xây dựng tiêu chuẩn chức danh cán bộ trong Ban điều hành để làm quy chuẩn thực hiện đào tạo cán bộ nguồn và tuyển dụng khi cần.
- Chỉ đạo Ban điều hành đề xuất cơ chế khuyến khích nhân sự kinh doanh, kỹ thuật.
- Cử đoàn công tác của Hội đồng quản trị đi công tác nước ngoài phục vụ nghiên cứu, triển khai các Dự án đầu tư mới.
- Hoàn thành báo cáo quản trị công bố thông tin theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Chỉ đạo Ban điều hành xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 với các chỉ tiêu chính như sau:
 - Bao bì truyền thống: 58 triệu bộ bao bì;
 - Bao Jumbo: 356 nghìn bộ bao;
 - Doanh thu: 400 tỷ đồng;
 - Lợi nhuận trước thuế: 13,8 tỷ đồng;
 - Tỷ lệ chia cổ tức: 17%.

2. Giám sát hoạt động của Ban điều hành

- Hội đồng quản trị cho ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại các cuộc họp hàng quý và thông qua việc cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề phát sinh chưa đến mức cần thiết phải tổ chức cuộc họp, đồng thời yêu cầu Ban điều hành báo cáo kết quả triển khai thực hiện nghị quyết của HĐQT, ĐHĐCĐ trong quá trình điều hành công việc.
- Hội đồng quản trị giám sát hoạt động điều hành của Ban Giám đốc thông qua báo cáo quản trị tháng; báo cáo tài chính quý, năm và báo cáo giám sát của Ban kiểm soát gửi HĐQT hàng quý.
- Chỉ đạo hoạt động nghiên cứu, đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Chỉ đạo việc tuân thủ quy định công bố thông tin đối với Công ty niêm yết.

IV. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Trong năm qua, các nội dung của Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được HĐQT triển khai đầy đủ. Các ý kiến đề xuất của các cổ đông được các thành viên HĐQT chỉ đạo thực hiện.
- Tổ chức cuộc họp: HĐQT Công ty đã họp định kỳ và bất thường theo đúng quy định để thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT, sau mỗi cuộc họp đều có biên bản và nghị quyết triển khai thực hiện.
- Lấy ý kiến bằng văn bản: Kịp thời lấy kiến các thành viên trong HĐQT để triển khai các thủ tục liên quan đến công tác quản lý, đầu tư, kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Ban hành văn bản pháp chế: Kịp thời ban hành/sửa đổi tất cả quy chế, quy định để thích ứng với những thay đổi theo quy định mới của Nhà nước.
- Chỉ đạo và giám sát hoạt động điều hành: Thường xuyên giám sát hoạt động của BDH thông qua các báo cáo hoạt động định kỳ tháng, quý, năm và các yêu cầu báo cáo phát sinh. Trên cơ sở đó chỉ đạo Ban điều hành triển khai các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và các nội dung khác thuộc thẩm quyền HĐQT.

V. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

- Tiếp tục tổ chức công việc của HĐQT theo hướng tăng cường trách nhiệm nhằm tăng hiệu quả quản trị của HĐQT và hiệu quả trong điều hành của Ban điều hành.
- Tổ chức các phiên họp thường kỳ hàng quý và đột xuất (nếu cần) trên tinh thần các cuộc họp có hiệu quả, giải quyết được những vấn đề cần thiết cho Công ty và những kiến nghị của Ban điều hành.
- Cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền phê duyệt/cho ý kiến của Hội đồng quản trị.
- Tiếp tục rà soát, bổ sung, hiệu chỉnh hệ thống các quy chế, quy trình, quy định, phù hợp với tình hình mới.
- Chỉ đạo triển khai thực hiện Chiến lược phát triển công ty đến năm 2020, định hướng đến 2030.
- Chỉ đạo nghiên cứu đầu tư mở rộng sản xuất, đầu tư phát triển dòng sản phẩm mới.
- Giám sát hoạt động điều hành theo Nghị quyết Hội đồng quản trị và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.
- Chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 được Hội đồng quản trị thông qua và Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, trong đó một số chỉ tiêu chính như sau.

- + Bao bì truyền thống: 58 triệu bộ bao bì;
 - + Bao Jumbo: 356 nghìn bộ bao;
 - + Doanh thu: 400 tỷ đồng;
 - + Lợi nhuận trước thuế: 13,8 tỷ đồng;
 - + Tỷ lệ chia cổ tức: 17%.
 - + Đầu tư mua sắm: 53,93 tỷ đồng
- Tiếp tục cử đoàn công tác đi nghiên cứu thị trường, sản phẩm mới ở trong và ngoài nước.
 - Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Trên đây là báo cáo hoạt động năm 2016 và kế hoạch hoạt động năm 2017 của HĐQT Công ty Cp Bao bì Đạm Phú Mỹ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
Phạm Văn Hiến

Phần 3

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2016 VÀ TỜ TRÌNH VỀ VIỆC LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN, KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA GIÁM SÁT TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TRONG NĂM 2016

1. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2016

- Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bao Bi Đạm Phú Mỹ gồm 3 thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm với nhiệm kỳ 05 năm. Được sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), Ban kiểm soát đã giám sát việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2016, giám sát hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, hoạt động điều hành của Ban Giám đốc.
- Tham gia các phiên họp của Hội đồng quản trị đóng góp ý kiến về các vấn đề báo cáo khả thi và thủ tục triển khai của dự án đầu tư giai đoạn 03, hạn mức công nợ, nợ quá hạn, quản lý hàng tồn kho, nguồn vốn phục vụ đầu tư mua sắm.
- Hàng quý Ban kiểm soát đã thông báo kết quả kiểm tra giám sát đến HĐQT, Giám đốc Công ty về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty đồng thời đã có những kiến nghị kịp thời để nâng cao hiệu quả hoạt động tại đơn vị.
- Trong năm 2016 hàng quý Ban kiểm soát đã tổ chức cuộc họp để thảo luận về kế hoạch kiểm tra giám sát hàng quý và đánh giá việc thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động cũng như tình hình tài chính của Công ty
- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán Deloitte thực hiện kiểm toán BCTC năm 2016.
- Trong năm 2016 Ban kiểm soát không nhận được khiếu nại nào về hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị và hoạt động điều hành của Giám đốc Công ty.

2. Thù lao và thu nhập của Ban kiểm soát năm 2016

Stt	Họ tên và chức danh	Thù lao	Thu nhập khác	Tổng cộng
		1	2	3 = 1+2
1	Chu Xuân Hải-TBKS	36.000.000	12.600.000	48.600.000
2	Nguyễn Thị Thu Oanh – TV.BKS	24.000.000	6.300.000	30.300.000
3	Phạm Văn Khánh – TV.BKS	24.000.000	6.300.000	30.300.000
	Tổng cộng	84.000.000	25.200.00	109.200.000

3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động SXKD năm 2016 theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	KH 2016	TH 2016	TH/KH 2016
1	Sản lượng sản xuất				
	Bao phân bón và bao xi măng	Tr.bao	50	50,63	101%
	Bao jumbo	Ng.bao	175	195	111%
2	Sản lượng tiêu thụ				
	Bao phân bón và bao xi măng	Tr.bao	50	50,88	102%
	Bao jumbo	Ng.bao	175	183,13	105%
3	Tổng doanh thu	tỷ đồng	262,69	286,59	109%
4	Tổng chi phí	tỷ đồng	249,71	273,74	110%
5	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	12,98	13,02	100%
6	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	10,35	10,35	100%
7	Tỷ lệ chia cổ tức	%	17	17	100%
8	Thuế và các khoản nộp NSNN	tỷ đồng	17,19	14,42	84%
9	Đầu tư XCDĐ và mua sắm	tỷ đồng	51,05	19,00	37%
10	Lao động bình quân	Người	500	468	94%
11	Thu nhập bình quân (người/tháng)	Tr. đồng	7,50	7,25	97%

- Trong năm 2016, mặc dù có những thay đổi lớn trong cơ cấu dòng sản phẩm khi nhóm khách hàng Xi măng chuyển sang dùng loại bao bì dán đáy thay cho loại bao bì truyền thống làm cho sản lượng, doanh số của Công ty bị ảnh hưởng đáng kể tuy với sự nỗ lực của Ban lãnh đạo và tập thể CBCNV, Công ty đã phát triển thêm hệ thống khách hàng cũng như sản phẩm hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được giao. Nhìn chung, Công ty đã duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định an toàn, thu nhập của người lao động ổn định.
- Về công tác đầu tư xây dựng cơ bản: Chỉ tiêu giải ngân thấp hơn so với kế hoạch do quá trình thực hiện máy móc thiết bị nhập khẩu về trễ hơn so với dự kiến nên kế hoạch giải ngân dự án đầu tư giai đoạn 3 mới giải ngân được một phần còn lại sẽ thực hiện giải ngân trong quý 01 năm 2017.

4. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, BCTC phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

5. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của HĐQT, Ban GD:

- Hội đồng quản trị Công ty với 05 thành viên đã được phiên họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2013 thông qua, các thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Đến tháng 02/2016 Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm tạm thời 01 thành viên HĐQT là Bà

Trần Thị Hồng Quyên thay cho Ông Phạm Văn Quý do bên phía cổ đông PVFCCo điều chỉnh số lượng người đại diện phần vốn.

- Trong năm 2016 Hội đồng quản trị đã tổ chức 05 phiên họp và các lần tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản đề thông qua các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Ban Giám đốc đã triển khai công tác sản xuất kinh doanh trên cơ sở nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Ban giám đốc đã tổ chức họp bàn bạc, thống nhất, phân công chỉ đạo các phòng ban triển khai và báo cáo kết quả thực hiện đến Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát nhận thấy Báo cáo của Hội Đồng quản trị, Báo cáo của Giám Đốc Công ty đã phản ánh trung thực về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 của công ty.
- Hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tuân thủ điều lệ hoạt động của Công ty, quy định của pháp luật và phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Trong năm 2016 Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã chỉ đạo, quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh một cách hiệu quả và đem lại lợi ích cho các cổ đông.

6. Đánh giá sự phối hợp của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành với Ban kiểm soát

Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ Ban kiểm soát đã nhận được sự hỗ trợ từ Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các Phòng/bộ phận của công ty, đã duy trì mối quan hệ làm việc và phối hợp trên nguyên tắc đảm bảo lợi ích của Công ty, của cổ đông, tuân thủ các quy định của pháp luật.

7. Kiến nghị:

Kiểm soát vốn lưu động trong đó lưu ý kiểm soát các khoản công nợ phải thu, thu hồi công nợ quá hạn phát sinh và hiệu quả quản lý vốn lưu động cho hàng tồn kho.

Xây dựng và giám sát việc thực hiện kế hoạch đầu tư mua sắm chặt chẽ đảm bảo tiến độ của dự án đã đặt ra.

Đánh giá lại nhu cầu về kinh doanh các loại bao jumbo để đảm bảo hiệu quả kế hoạch kinh doanh của dòng bao jumbo theo Dự án đầu tư giai đoạn 3.

PHẦN II: TỜ TRÌNH LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2016

1. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017

Kiến nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT, BKS công ty lựa chọn một trong ba công ty kiểm toán có uy tín, có kinh nghiệm được đánh giá cao trong lĩnh vực kiểm toán: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, Công ty TNHH Pricewaterhouse Coopers Việt Nam thực hiện kiểm toán BCTC năm 2017.

2. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017

- Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế/quy định nội bộ trong hoạt động quản lý điều, hành doanh nghiệp.
- Giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 được Đại hội đồng cổ đông giao;
- Giám sát việc bảo toàn và phát triển vốn tại Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ.
- Thực hiện các công việc khác của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật hiện hành.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Báo cáo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2016 và tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017.

Trân trọng báo cáo.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
Chu Xuân Hải

Phần 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2016
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		94.133.218.775	83.386.677.666
I. Tiền	110		2.736.365.805	4.501.430.150
1. Tiền	111	5	2.736.365.805	4.501.430.150
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.761.927.863	41.694.044.645
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	31.111.023.095	38.093.164.085
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.735.019.910	742.781.088
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	3.915.884.858	2.858.099.472
III. Hàng tồn kho	140	8	51.540.671.283	35.712.587.633
1. Hàng tồn kho	141		51.540.671.283	35.712.587.633
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.094.253.824	1.478.615.238
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.401.104.059	1.478.615.238
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		693.149.765	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		48.759.405.836	41.116.343.537
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000	3.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	3.000.000	3.000.000
II. Tài sản cố định	220		39.074.075.231	40.221.868.095
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	39.074.075.231	40.221.868.095
- Nguyên giá	222		96.416.041.196	91.662.209.545
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(57.341.965.965)	(51.440.341.450)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		353.242.000	353.242.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(353.242.000)	(353.242.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	10	9.024.194.114	276.645.520
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		9.024.194.114	276.645.520
IV. Tài sản dài hạn khác	260		658.136.491	614.829.922
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		658.136.491	614.829.922
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		142.892.624.611	124.503.021.203

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		78.689.786.112	61.621.461.339
I. Nợ ngắn hạn	310		76.741.540.812	59.855.835.578
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	12.118.315.657	13.766.714.281
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.259.635.364	591.273.454
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	803.492.461	716.339.860
4. Phải trả người lao động	314		5.720.105.903	5.110.435.300
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.370.947.691	1.125.134.002
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		28.125.000	24.966.700
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		826.396.062	1.432.831.118
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	13	54.096.292.867	33.703.327.435
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		518.229.807	3.384.813.428
II. Nợ dài hạn	330		1.948.245.300	1.765.625.761
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	13	1.948.245.300	1.674.007.324
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	91.618.437
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		64.202.838.499	62.881.559.864
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	64.202.838.499	62.881.559.864
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.000.000.000	42.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.000.000.000	42.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		4.702.789.696	4.702.789.696
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.961.779.899	5.294.813.521
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.538.268.904	10.883.956.647
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		190.023.890	170.847.458
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		10.348.245.014	10.713.109.189
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		142.892.624.611	124.503.021.203

Phạm Thị Thúy Hằng
Người lập biểu

Cao Vĩnh Hậu
Kế toán trưởng

Trần Anh Tú
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	286.393.895.841	294.832.481.955
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	16	286.393.895.841	294.832.481.955
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	17	245.138.409.939	253.215.984.891
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		41.255.485.902	41.616.497.064
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		194.458.026	670.302.817
7. Chi phí tài chính	22		3.048.291.962	2.925.126.827
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.833.600.494	2.647.947.276
8. Chi phí bán hàng	25	19	7.777.631.394	8.094.253.953
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	17.679.672.473	18.881.718.279
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		12.944.348.099	12.385.700.822
11. Thu nhập khác	31		177.195.426	464.578.971
12. Chi phí khác	32		98.337.174	187.173.506
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		78.858.252	277.405.465
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		13.023.206.351	12.663.106.287
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.674.961.337	1.549.997.098
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		10.348.245.014	11.113.109.189
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	2.094	2.201

Phạm Thị Thúy Hằng	Cao Vĩnh Hậu	Trần Anh Tú
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	13.023.206.351	12.663.106.287
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.901.624.515	6.680.469.930
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	128.354.557	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(12.838.175)	(175.644.236)
Chi phí lãi vay	06	2.833.600.494	2.647.947.276
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	21.873.947.742	21.815.879.257
Thay đổi các khoản phải thu	09	3.238.967.017	(2.347.275.713)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(15.828.083.650)	(18.223.943.937)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.149.709.137)	4.130.574.479
Thay đổi chi phí trả trước	12	34.204.610	222.058.203
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.824.687.651)	(2.690.431.259)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.394.814.614)	(1.566.823.779)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	6.235.927.276
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.333.550.000)	(4.893.011.838)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.383.725.683)	2.682.952.689
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(13.501.380.245)	(6.181.452.668)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.838.175	175.644.236
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(13.488.542.070)	(6.005.808.432)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	189.910.288.032	140.978.994.942
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(169.243.084.624)	(135.271.939.851)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.560.000.000)	(7.140.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	13.107.203.408	(1.432.944.909)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(1.765.064.345)	(4.755.800.652)
Tiền đầu năm	60	4.501.430.150	9.257.230.802
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	2.736.365.805	4.501.430.150

Phạm Thị Thúy Hằng
Người lập biểu

Cao Vinh Hậu
Kế toán trưởng

Trần Anh Tú
Giám đốc

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500874315, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 5 năm 2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 03 ngày 15 tháng 12 năm 2014. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 22 tháng 9 năm 2015 với mã chứng khoán là PMP.

Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 486 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 445).

Nghành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Sản xuất các sản phẩm bao bì PP, PK, PE; Mua bán các sản phẩm bao bì PP, PK, PE; Mua bán phân bón các loại; Mua bán nguyên vật liệu sản xuất bao bì, nhựa PP, PE; Kinh doanh vật liệu xây dựng; Mua bán hàng điện tử; Mua bán nhiên liệu động cơ; Vận tải bằng ô tô; Mua bán vật tư thiết bị ngành công nghiệp; Mua bán giấy vờ, bì các tông, văn phòng phẩm; Cho thuê kho bãi; In ấn; Dịch vụ liên quan đến in.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm bao bì PP, PK, PE.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, hoặc chi phí mua và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm nay
	(2016)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 07
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là hệ thống mạng máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Hệ thống mạng máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời gian hữu dụng ước tính là 03 năm.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước phản ánh giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty và các chi phí trả trước dài hạn khác. Giá trị công cụ, dụng cụ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan

đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc

được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	215.052.258	44.141.288
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.521.313.547	4.457.288.862
	2.736.365.805	4.501.430.150

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bạch Kim	14.789.115.603	670.471.440
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ và Xuất nhập khẩu Viky	1.491.186.500	13.556.245.902
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty cổ phần - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	-	4.456.522.800
Công ty Cổ phần bao bì Đại Lục		
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	8.140.000	6.061.506.000
Các khách hàng khác	14.822.580.992	13.348.417.943
	31.111.023.095	38.093.164.085
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 22)	1.104.636.500	10.518.028.800

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu cán bộ công nhân viên tiền mua cổ phần	1.054.186.900	1.054.186.900
Tạm ứng cho người lao động	2.306.040.214	1.063.942.551
Khác	555.657.744	739.970.021
	3.915.884.858	2.858.099.472
Phải thu dài hạn khác		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	3.000.000	3.000.000
	3.000.000	3.000.000

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u> VND	<u>Dự phòng</u> VND	<u>Giá gốc</u> VND	<u>Dự phòng</u> VND
Hàng mua đang đi đường	2.415.857.400	-	18.100.200	-
Nguyên liệu, vật liệu	29.106.758.427	-	19.644.416.883	-
Công cụ, dụng cụ	135.093.059	-	171.214.227	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	14.699.511.538	-	13.449.446.201	-
Thành phẩm	4.993.502.488	-	2.414.511.253	-
Hàng hoá	189.948.371	-	14.898.869	-
Cộng	51.540.671.283	-	35.712.587.633	-

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	30.658.008.231	59.440.294.307	1.434.428.931	129.478.076	91.662.209.545
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.324.015.220	-	-	-	1.324.015.220
Mua sắm mới	45.265.000	2.240.341.886	1.144.209.545	-	3.429.816.431
Số dư cuối năm	32.027.288.451	61.680.636.193	2.578.638.476	129.478.076	96.416.041.196
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	10.875.025.068	39.332.129.060	1.103.709.246	129.478.076	51.440.341.450
Trích khấu hao trong năm	2.209.538.693	3.387.259.718	304.826.104	-	5.901.624.515
Số dư cuối năm	13.084.563.761	42.719.388.778	1.408.535.350	129.478.076	57.341.965.965
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	19.782.983.163	20.108.165.247	330.719.685	-	40.221.868.095
Tại ngày cuối năm	18.942.724.690	18.961.247.415	1.170.103.126	-	39.074.075.231

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 32.908.256.922 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 31.376.867.591 đồng).

Như trình bày ở Thuyết minh số 13, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị máy móc, thiết bị, nhà xưởng, vật kiến trúc trên đất của Công ty tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1 để đảm bảo cho các khoản vay, vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án Jumbo	5.494.945.513	276.645.520
Máy dệt 2016	2.721.900.356	-
Dàn máy may jumbo	326.672.295	-
Dự án BOPP	480.675.950	-
	9.024.194.114	276.645.520

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần nhựa Châu Âu	2.669.700.000	2.669.700.000	1.758.350.000	1.758.350.000
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lộ Đức	1.185.997.283	1.185.997.283	1.508.923.900	1.508.923.900
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Việt Ý	512.785.850	512.785.850	824.003.400	824.003.400
Các nhà cung cấp khác	7.749.832.524	7.749.832.524	9.675.436.981	9.675.436.981
	12.118.315.657	12.118.315.657	13.766.714.281	13.766.714.281
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 22)	-	-	343.925.000	343.925.000

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	128.944.652	2.724.866.402	2.853.811.054	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	7.215.772.512	7.215.772.512	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	712.888.793	712.888.793	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	495.425.251	2.674.961.337	2.394.814.614	775.571.973
Thuế thu nhập cá nhân	58.923.169	930.580.907	965.820.228	23.683.848
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Thuế nhà thầu nước ngoài	33.046.788	67.035.227	95.845.375	4.236.640
Các loại thuế khác	-	89.501.600	89.501.600	-
Cộng	716.339.860	14.419.606.778	14.332.454.176	803.492.461

13. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Chi tiêu	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	32.835.680.259	32.835.680.259	189.910.288.032	166.701.430.124	56.044.538.167	56.044.538.167
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu	2.541.654.500	2.541.654.500	-	2.541.654.500	-	-
Cộng	35.377.334.759	35.377.334.759	189.910.288.032	169.243.084.624	56.044.538.167	56.044.538.167
Trong đó:						
Số phải trả trong vòng 12 tháng	33.703.327.435				54.096.292.867	
Số phải trả sau 12 tháng	1.674.007.324				1.948.245.300	

Các khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu bao gồm:

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 2016-BBĐPM/HĐHM ngày 06 tháng 01 năm 2016 với hạn mức cho vay là 70 tỷ đồng, thời hạn cho vay là 4 tháng kể từ ngày rút vốn vay và được ghi trên giấy nhận nợ, mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân theo thông báo lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu trong từng thời kỳ và được ghi trên Giấy nhận nợ, với tiền lãi phải trả vào ngày 26 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ máy móc, thiết bị, nhà xưởng, vật kiến trúc trên đất của bên vay tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1 và xe ô tô Toyota Fortuner V mang biển số 72L-4203. Số dư nợ của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 tương đương 52.775.857.301 đồng.
- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01-2014/HĐTD/BĐPMP ngày 08 tháng 4 năm 2014 với hạn mức cho vay tương đương 94.370,40 USD, thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích cho vay để mua sắm máy móc, thiết bị. Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất cho vay trung hạn theo thông báo lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm nhận nợ và thay đổi theo thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu; tiền lãi phải trả từ ngày 26 đến ngày 30 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ máy móc, thiết bị, nhà xưởng, vật kiến trúc trên đất của bên vay tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1. Số dư nợ của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 332.105.166 đồng.
- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 02-2014/HĐTD/BĐPMP ngày 12 tháng 12 năm 2014 với hạn mức cho vay tương đương 119.840, thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày bên vay rút vốn lần đầu tiên cho đến khi trả hết nợ vay, mục đích cho vay để thanh toán tiền nhập khẩu máy in theo phương thức thư tín dụng cho Pea Shinn Engineering Co., Ltd theo Hợp đồng số 80/DPMP-Peashinn/2014 ngày 27 tháng 11 năm 2014. Lãi suất áp dụng bằng lãi suất cho vay trong hạn theo lãi suất huy động tiết kiệm tiền gửi 12 tháng, trả lãi sau theo thông báo của ngân hàng +2,5%/năm; lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng một lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên; tiền lãi phải trả từ ngày 26 đến ngày 30 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản bên vay đã thế chấp tại Ngân hàng. Số dư nợ của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.482.495.700 đồng.

13. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu bao gồm:

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016-ĐTDA/HĐTD/BĐPMP ngày 02 tháng 6 năm 2016 với hạn mức cho vay tương đương 18.580.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 84 tháng kể từ ngày bên vay rút vốn lần đầu tiên cho đến khi trả hết nợ vay, mục đích cho vay để thanh toán tiền cho dự án đầu tư mua sắm lắp đặt dây

chuyển thiết bị sản xuất bao bì Jumbo giai đoạn 3. Lãi suất áp dụng là lãi suất Libor kỳ hạn 06 tháng +2,8%/năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ sáu (6) tháng xuất hiện trên Trang LIBOR01 Màn hình Reuters vào hoặc vào khoảng 11:00 giờ sáng (giờ London). Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản theo hợp đồng Thế chấp máy móc thiết bị số 01/2016-HĐBĐ/BBĐPM, theo đó khoản vay sẽ được đảm bảo bằng các tài sản hình thành trong tương lai từ dự án trên. Số dư nợ của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 64.000 USD.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.320.435.566	1.568.184.674
Trong năm thứ hai	494.165.300	1.207.960.799
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.454.080.000	466.046.525
Sau năm năm	-	-
	3.268.680.866	3.242.191.998
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(1.320.435.566)	(1.568.184.674)
Số phải trả sau 12 tháng	1.948.245.300	1.674.007.324

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp	Vốn khác	Quỹ đầu tư	Lợi nhuận sau thuế	Cộng
	của chủ sở hữu	thuộc chủ sở hữu	phát triển	chưa phân phối	VND
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	42.000.000.000	4.702.789.696	3.259.319.938	10.364.087.833	60.326.197.467
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	11.113.109.189	11.113.109.189
Trích lập các quỹ	-	-	2.035.493.583	(2.035.493.583)	-
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.417.746.792)	(1.417.746.792)
Cổ tức được chia	-	-	-	(7.140.000.000)	(7.140.000.000)
Số dư đầu năm nay	42.000.000.000	4.702.789.696	5.294.813.521	10.883.956.647	62.881.559.864
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	10.348.245.014	10.348.245.014
Trích lập các quỹ	-	-	1.666.966.378	(1.666.966.378)	-
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.466.966.379)	(1.466.966.379)
Cổ tức được chia	-	-	-	(7.560.000.000)	(7.560.000.000)
Số dư cuối năm nay	42.000.000.000	4.702.789.696	6.961.779.899	10.538.268.904	64.202.838.499

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 13/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2016, cổ tức năm 2015 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt là 7.560.000.000 đồng. Trong năm 2016, Công ty đã thanh toán toàn bộ số cổ tức được phê duyệt nêu trên cho các cổ đông. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 13/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2016, tỷ lệ chia cổ tức dự kiến năm 2016 là 17% vốn điều lệ.

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.200.000	4.200.000
Số lượng cổ phiếu quỹ		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+) <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.200.000	4.200.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500874315, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 5 năm 2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 03 ngày 15 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 42.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, cụ thể như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi		Vốn đã góp	
			Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	%	Giá trị	Giá trị
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	21.410.000.000	50,98%	18.203.000.000	18.203.000.000
Công ty TNHH Hương Phong	20.580.000.000	49,00%	16.800.000.000	16.800.000.000
Ông Võ Ngọc Chuyên	10.000.000	0,02%	10.000.000	10.000.000
Các cổ đông khác	-	0,00%	6.987.000.000	6.987.000.000
	42.000.000.000	100%	42.000.000.000	42.000.000.000

15. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bao bì, các hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và toàn bộ thông tin về doanh thu, chi phí được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Cho năm tài chính kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm bao bì. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và từng hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 16 và số 17.

Trong năm, các sản phẩm của Công ty được tiêu thụ chủ yếu ở Việt Nam, doanh thu từ hoạt động xuất khẩu không đáng kể.

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Doanh thu bán thành phẩm	253.077.187.945	215.276.969.207
Doanh thu bán hàng hóa	32.036.059.828	77.831.458.532
Doanh thu khác	1.280.648.068	1.724.054.216
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	286.393.895.841	294.832.481.955
Giảm giá hàng bán	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	286.393.895.841	294.832.481.955
Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 22)	147.159.146.794	85.526.545.290

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Giá vốn bán thành phẩm	213.182.632.897	176.294.315.450
Giá vốn bán hàng hóa	30.684.740.799	75.284.489.843
Giá vốn khác	1.271.036.243	1.637.179.598
	245.138.409.939	253.215.984.891

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	161.277.468.016	138.503.711.160
Chi phí nhân công	48.217.331.023	38.252.969.361
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.901.624.515	6.680.469.930
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.814.554.309	29.104.094.003
Chi phí khác bằng tiền	1.282.182.801	1.591.445.678
	243.493.160.664	214.132.690.132

19. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí vật liệu, bao bì	1.347.242	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.306.242.420	7.775.726.341
Chi phí bằng tiền khác	470.041.732	318.527.612
	7.777.631.394	8.094.253.953

Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

Chi phí nhân viên quản lý	8.905.679.722	8.974.632.162
Chi phí đồ dùng văn phòng	248.149.250	677.280.083
Chi phí khấu hao TSCĐ	805.144.300	675.622.508
Thuế, phí và lệ phí	5.919.547	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.995.074.734	7.268.174.551
Chi phí bằng tiền khác	719.704.920	1.282.008.975
	17.679.672.473	18.881.718.279

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
		(Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	10.348.245.014	11.113.109.189
- Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi (VND)	(1.552.236.752)	(1.866.966.378)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	8.796.008.262	9.246.142.811
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ (Cổ phiếu)	4.200.000	4.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	2.094	2.201

21. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.602.375.000	1.602.375.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Trong vòng một năm	1.874.400.000	1.859.550.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	7.497.600.000	7.438.200.000
Sau năm năm	50.608.800.000	50.207.850.000
	59.980.800.000	59.505.600.000

Chi phí thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê Công ty phải trả cho việc thuê 50.000 m² đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với giá thuê hàng năm là 70.000 USD/năm. Đơn giá đã được thay đổi theo Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 01 tháng 4 năm 2013, theo đó kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2013 đơn giá thuê đất là 1,65 USD/m² tương đương với 82.500 USD/năm. Hợp đồng thuê có thời hạn 40 năm kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2008.

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan chủ yếu của Công ty bao gồm:

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty cổ phần	Cổ đông lớn
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	Đơn vị trực thuộc của Cổ đông lớn
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Đơn vị trực thuộc của Cổ đông lớn
Công ty TNHH Hương Phong	Cổ đông lớn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Bán hàng		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	98.952.586.040	848.868.744
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	39.468.685.289	51.214.995.100
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	7.587.077.465	32.564.208.700
Công ty Cổ Phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	76.153.000	-
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	22.770.000	84.600.000
Công ty TNHH Hương Phong	1.051.875.000	813.872.746
	<u>147.159.146.794</u>	<u>85.526.545.290</u>
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	17.841.150
Công ty TNHH Hương Phong	-	2.208.535.000
	<u>-</u>	<u>2.226.376.150</u>

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư chủ yếu của Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Phải thu khách hàng		
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	-	4.456.522.800
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	8.140.000	6.061.506.000
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.096.496.500	-
Công ty TNHH Hương Phong	-	-
	<u>1.104.636.500</u>	<u>10.518.028.800</u>
Phải trả người bán		
Công ty TNHH Hương Phong	-	343.925.000
	<u>-</u>	<u>343.925.000</u>

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Lương và các khoản phúc lợi khác	1.753.680.879	1.741.539.736

23. CAM KẾT VỐN

Theo Quyết định số 40/QĐ-HĐQT ngày 09 tháng 12 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt Dự án đầu tư mua sắm dây chuyền thiết bị sản xuất bao Jumbo giai đoạn 3 với tổng mức đầu tư là 32.540.000.000 đồng, dự kiến thời gian hoàn thành của Dự án là 240 ngày kể từ khi Dự án được phê duyệt. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá trị đã thực hiện đầu tư của dự án là 5.821.617.808 đồng.

Phạm Thị Thúy Hằng
Người lập biểu

Cao Vĩnh Hậu
Kế toán trưởng

Trần Anh Tú
Giám đốc

Phần 5
TỜ TRÌNH
PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Căn cứ quy định tại Điều 14 của Điều lệ Công ty về quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án phân phối lợi nhuận với nội dung như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2016.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 đã thông qua kế hoạch chia cổ tức năm là 17% và trích lập các quỹ: Quỹ đầu tư phát triển trích 15% LNST; quỹ khen thưởng trích 15% LNST.

Với việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016, Hội đồng quản trị kính trình phương án phân phối lợi nhuận thực hiện như sau:

TT	Diễn giải	ĐVT	LNST	TỶ LỆ TRÍCH
1	Lợi nhuận năm 2015 chuyển sang	Đồng	190.023.890	
2	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	10.348.245.014	
3	Trích các quỹ	Đồng	3.104.473.504	
3.2	Quỹ đầu tư phát triển	Đồng	1.552.236.752	15,0%
3.3	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Đồng	1.552.236.752	15,0%
3.3.1	Quỹ khen thưởng	Đồng	1.086.565.726	70,0%
3.3.2	Quỹ phúc lợi	Đồng	465.671.026	30,0%
4	Lợi nhuận sau khi trích lập các quỹ	Đồng	7.243.771.510	
5	Tổng lợi nhuận chia cổ tức năm 2016	Đồng	7.433.795.400	
6	Chia cổ tức	Đồng	7.140.000.000	70,0%
6.1	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	Đồng/CP	1.700	
6.2	Tỷ lệ chia cổ tức trên Vốn điều lệ	%	17,0%	
7	Trích thưởng Ban lãnh đạo	Đồng	200.000.000	
8	Lợi nhuận chuyển sang năm 2017	Đồng	93.795.400	100,00%

Thời gian chia cổ tức bằng tiền mặt trong quý 2/2017.

Giao cho Hội đồng quản trị phân phối các khoản trích thưởng Ban lãnh đạo.

2. Đề xuất kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017

- Chi cổ tức bằng tiền mặt, tỷ lệ dự kiến 17% mệnh giá cổ phiếu
- Trích Quỹ đầu tư phát triển: 15%
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi: 15%. Trong đó trích *Quỹ khen thưởng: 70% KTPL; Quỹ phúc lợi: 30% KTPL.*
- *Thưởng Ban lãnh đạo: nếu vượt kế hoạch lợi nhuận, thưởng 40% phần lợi nhuận vượt kế hoạch.*

Trên đây là Phương án phân phối lợi nhuận, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
Phạm Văn Hiến

Phần 6
TỜ TRÌNH
THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ
- Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ thường niên ngày 14/04/2016.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ báo cáo thù lao chi trả năm 2016 và trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt kế hoạch thù lao chi trả Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2017 như sau:

1. Báo cáo thù lao và tiền thưởng năm 2016

STT	Diễn giải	ĐVT	Thù lao	Thưởng	Tổng	Ghi chú
1	Hội đồng quản trị	Tr.đ	216,0	75,6	291,6	
	Phạm Văn Hiến	Tr.đ	48,0	18,9	66,9	
	Trần Anh Tú	Tr.đ	42,0	18,9	66,9	
	Lê Hồng Quân	Tr.đ	42,0	12,6	54,6	
	Hồ Thị Minh Hòa	Tr.đ	42,0	12,6	54,6	
	Phạm Văn Quý	Tr.đ	7,0		7,0	Hết tháng 2.2016
	Trần Thị Hồng Quyên	Tr.đ	35,0	12,6	47,6	Từ tháng 3/2016
2	Ban Kiểm soát		84,0	25,2	109,2	
	Chu Xuân Hải		36,0	12,6	48,6	
	Nguyễn Thị Thu Oanh		24,0	6,3	30,3	
	Phạm Văn Khánh		24,0	6,3	30,3	
	Tổng Cộng		300,0	100,8	400,8	

2. Kế hoạch thù lao chi trả Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017

STT	Diễn giải	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
1	Thù lao HĐQT	Đồng	216.000.000	Không bao gồm thuế thu nhập khấu trừ tại nguồn
2	Thù lao BKS	Đồng	84.000.000	
	Cộng	Đồng	300.000.000	

Mức thù lao trên không bao gồm:

- Thuế thu nhập cá nhân khấu trừ tại nguồn
- Tiền lương trong trường hợp thành viên HĐQT hoặc Ban kiểm soát là người lao động trong Công ty.
- Các khoản chi phí công tác theo Quy chế công tác phí.
- Thưởng: Các khoản thưởng theo phương án trình kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
Phạm Văn Hiến